

Số: /KH-UBND

Đắk Glong, ngày tháng 3 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Giao đất, giao rừng năm 2024 trên địa bàn huyện Đắk Glong

#### I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

##### 1. Căn cứ pháp lý

Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013 năm 2013; Điều 248 Luật đất đai ngày 18/01/2024;

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách; bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;

Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1757/QĐ-TTg, ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thông tư số 33/TT-BNNPTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Quyết định số 112/2008/QĐ-BNN ngày 19/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ

thuật giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mục đích lâm nghiệp gắn với việc lập hồ sơ quản lý rừng;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-TU ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy về quản lý, bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững; nâng cáo tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc cập nhật, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Đắk Nông;

Quyết định số 176/QĐ-UBND, ngày 26/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc công bố hiện trạng rừng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông;

Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông;

Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc hướng dẫn xử lý một số nội dung liên quan đến đất lâm nghiệp và quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Quyết định số 361/QĐ-UBND, ngày 30/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc phê duyệt số liệu diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn huyện Đắk Glong có đến ngày 31/12/2023.

Căn cứ ý kiến thẩm định hồ sơ Kế hoạch giao rừng năm 2024 trên địa bàn huyện Đắk Glong của Hội đồng thẩm định 605 tại Thông báo số 02/TB-HĐTĐ ngày 13/12/2023 và Công văn số 02/CV-HĐTĐ ngày 13/3/2024.

Trên cơ sở đăng ký diện tích nhu cầu kế hoạch giao rừng của UBND các xã: Đắk Ha, Quảng Sơn và Quảng Khê, Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong xây dựng kế hoạch giao rừng năm 2024 trên địa bàn huyện như sau:

## **2. Căn cứ thực tế**

### **2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội**

#### **2.1.1 Đặc điểm tự nhiên**

Huyện Đắk Glong nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Đắk Nông, có tổng diện tích tự nhiên là 144.807,76 ha, giáp với các huyện Lắk - tỉnh Đắk Lắk ở phía Đông Bắc, Đam Rông ở phía Đông, Lâm Hà ở phía Đông Nam, Di Linh và Bảo Lâm ở phía Nam, Đắk R'lấp và Thành phố Gia Nghĩa ở phía Tây Nam, Đắk Song ở phía Tây và Krông Nô ở phía Bắc.

Đắk Glong vừa mang tính chất khí hậu cao nguyên nhiệt đới ẩm, vừa chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam khô nóng. Khí hậu có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 11, tập trung 90% lượng mưa hàng năm. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa không đáng kể.

Mặt khác, diện tích canh tác nương rẫy gần rừng tương đối nhiều, tập tục đốt nương làm rẫy của đồng bào không tuân thủ theo quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR), ý thức của người dân trong việc phòng cháy, chữa cháy rừng chưa cao.

Nguồn nước, hồ đập ở xa rừng, hệ thống suối về mùa khô thường cạn kiệt, cho nên việc chữa cháy rừng gặp rất nhiều khó khăn vào mùa khô.

### **2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội**

Huyện Đắk Glong được thành lập theo Nghị định số 82/2005/NĐ-CP, ngày 27/6/2005 của Chính phủ; huyện có 07 đơn vị hành chính cấp xã (Quảng Khê, Đắk Plao, Đắk Som, Đắk Ha, Quảng Sơn, Đắk R'Măng và xã Quảng Hòa) với 61 thôn, bon; 07/07 đơn vị hành chính cấp xã đều thuộc vùng đặc biệt khó khăn. Tổng dân số trên địa bàn huyện 18.832 hộ, 83.339 khẩu, toàn huyện có 30 dân tộc cùng sinh sống trong đó số hộ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 53,52 %, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới chiếm 13,44 %, hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 88,58 % tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện<sup>1</sup>. Phần lớn các dân tộc thiểu số tại chỗ và một số dân di cư tự do đang sinh sống gần rừng, có đời sống kinh tế rất khó khăn; phát triển kinh tế chủ yếu làm nương rẫy và khai thác lâm sản ngoài gỗ từ rừng. Mặt khác, phần lớn số người dân này có trình độ dân trí thấp, không đồng đều, nhận thức và hiểu biết về pháp luật nói chung, Luật Lâm nghiệp nói riêng còn nhiều hạn chế.

Những yếu tố trên đã gây áp lực lớn đến tài nguyên rừng; vì vậy công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng của địa phương gặp rất nhiều khó khăn.

## **2.2. Thực trạng công tác quản lý, bảo vệ rừng**

### **2.2.1. Hiện trạng tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp**

Huyện Đắk Glong có tổng diện tích tự nhiên 144.807,76 ha; diện tích rừng và đất quy hoạch phát triển rừng 99.568,74 ha, trong đó:

Rừng và đất lâm nghiệp quy hoạch rừng phòng hộ 19.360,46 ha; rừng và đất rừng quy hoạch rừng đặc dụng 23.780,17 ha; rừng và đất rừng quy hoạch rừng sản xuất 56.428,11 ha. Tổng diện tích đất có rừng (bao gồm cả diện tích rừng trồng chưa thành rừng) trên địa bàn huyện 64.552,78 ha, trong đó: Rừng sản xuất 31.088,55 ha; rừng phòng hộ 11.788,20; rừng đặc dụng: 19.954,71 ha; ngoài quy hoạch 1.721,32 ha (Rừng tự nhiên: 55.486,07 ha; rừng trồng 8.109,40

---

<sup>1</sup> Quyết định 3140/QĐ-UBND, ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Đắk Glong năm 2023.

ha); tỷ lệ che phủ đạt 43,92%<sup>2</sup>.

Trên địa bàn có 02 Công ty lâm nghiệp: Công ty TNHH MTV Đắc N'Tao và Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Quảng Sơn; 01 Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, 01 Vườn Quốc gia: VQG Tà Đùng; có 02 Ban quản lý rừng phòng hộ: BQL RPH Gia Nghĩa, BQL RPH Đắc Măng; các đơn vị đang thực hiện dự án thuê đất quản lý, bảo vệ, phát triển rừng gồm: Công ty CP NLN Trường Thành, Công ty TNHH Biển Xanh, DNTN cây kiểng Đức Minh, Công ty TNHH Hào Quang, Công ty CP Tân Mai, Công ty TNHH Khải Vy, Công ty MDF Bi Sơn, Công ty CP Thiên Sơn, Công ty cà phê 15, Trạm thực nghiệm lâm sinh Lâm Đồng, Công ty CP Đinh Nghệ; 02 đơn vị vũ trang: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, trại giam Đắc Plao, 02 cộng đồng và 01 cá nhân được giao rừng.

Toàn huyện có 07 xã đã thành lập 07 Ban lâm nghiệp, mỗi xã đều bố trí 01 lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã làm Trưởng ban và 01 Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn làm Phó Trưởng ban; Ban lâm nghiệp xã tham mưu trực tiếp cho chính quyền địa phương thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lâm nghiệp.

Trên địa bàn có 02 Công ty lâm nghiệp: Công ty TNHH MTV Đắc N'Tao và Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Quảng Sơn; 01 Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, 01 Vườn Quốc gia: VQG Tà Đùng; có 02 Ban quản lý rừng phòng hộ: BQL RPH Gia Nghĩa, BQL RPH Đắc Măng; các đơn vị đang thực hiện dự án thuê đất quản lý, bảo vệ, phát triển rừng gồm: Công ty CP NLN Trường Thành, Công ty TNHH Biển Xanh, DNTN cây kiểng Đức Minh, Công ty TNHH Hào Quang, Công ty CP Tân Mai, Công ty TNHH Khải Vy, Công ty MDF Bi Sơn, Công ty CP Thiên Sơn, Công ty cà phê 15, Trạm thực nghiệm lâm sinh Lâm Đồng, Công ty CP Đinh Nghệ; 02 đơn vị vũ trang: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, trại giam Đắc Plao, 02 cộng đồng và 01 cá nhân được giao rừng.

Theo Quyết định số 361/QĐ-UBND, ngày 30/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắc Glong về việc phê duyệt số liệu diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn huyện Đắc Glong có đến ngày 31/12/2023, như sau:

| TT       | Phân loại rừng  | Tổng cộng        | Trong quy hoạch  | Đặc dụng         | Phòng hộ         | Sản xuất         | Ngoài quy hoạch |
|----------|---|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|-----------------|
|          | <b>TỔNG DIỆN TÍCH (gồm diện tích có rừng và rừng trồng chưa thành rừng)</b> | <b>64.552,78</b> | <b>62.831,46</b> | <b>19.954,71</b> | <b>11.788,20</b> | <b>31.088,55</b> | <b>1.721,32</b> |
| <b>A</b> | <b>DIỆN TÍCH RỪNG</b>   | <b>63.595,47</b> | <b>61.907,64</b> | <b>19.925,93</b> | <b>11.777,42</b> | <b>30.204,29</b> | <b>1.687,83</b> |
| <b>I</b> | <b>RỪNG PHÂN THEO NGUỒN GỐC</b>   | <b>63.595,47</b> | <b>61.907,64</b> | <b>19.925,93</b> | <b>11.777,42</b> | <b>30.204,29</b> | <b>1.687,83</b> |
| 1        | Rừng tự nhiên   | <b>55.486,07</b> | <b>55.256,41</b> | 19.643,80        | 11.504,06        | 24.108,55        | 229,66          |
|          | - Rừng nguyên sinh  | <b>0,00</b>      | <b>0,00</b>      | 0                | 0                | 0                | 0               |

<sup>2</sup> Quyết định số 361/QĐ-UBND, ngày 30/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắc Glong về việc phê duyệt số liệu diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn huyện Đắc Glong có đến ngày 31/12/2023.

| TT       | Phân loại rừng                                  | Tổng cộng        | Trong quy hoạch  | Đặc dụng        | Phòng hộ        | Sản xuất         | Ngoài quy hoạch |
|----------|---|------------------|------------------|-----------------|-----------------|------------------|-----------------|
|          | - Rừng thứ sinh                                 | 55.486,07        | 55.256,41        | 19.643,80       | 11.504,06       | 24.108,55        | 229,66          |
| 2        | Rừng trồng                                      | 8.109,40         | 6.651,23         | 282,13          | 273,36          | 6.095,74         | 1.458,17        |
| <b>B</b> | <b>DIỆN TÍCH CHƯA THÀNH RỪNG</b>                | <b>37.488,78</b> | <b>37.455,29</b> | <b>3.738,44</b> | <b>7.632,82</b> | <b>26.084,03</b> | <b>33,49</b>    |
| 1        | Diện tích đã trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng | 957,31           | 923,82           | 28,78           | 10,78           | 884,26           | 33,49           |
| 2        | Diện tích khoanh nuôi tái sinh                  | 1.579,92         | 1.579,92         | 59,86           | 244,88          | 1.275,18         |                 |
| 3        | Diện tích khác                                  | 34.951,55        | 34.951,55        | 3.649,80        | 7.377,16        | 23.924,59        |                 |

### 2.2.2. Thực trạng công tác bảo vệ, phát triển rừng

Diện tích rừng và đất quy hoạch phát triển rừng do Ủy ban nhân dân xã quản lý trên địa bàn huyện phân bố rải rác, nhỏ lẻ, manh mún, nhiều diện tích nằm xen kẽ với nương rẫy người dân xâm canh trong đất lâm nghiệp để sản xuất nông nghiệp; địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn nên công tác quản lý, bảo vệ rừng còn những hạn chế nhất định.

Các năm gần đây tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác lâm sản vẫn diễn biến phức tạp, nhưng chưa có biện pháp ngăn chặn triệt để.

Lực lượng bảo vệ rừng của các đơn vị chủ rừng yếu cả về số lượng và chất lượng. Nghiệp vụ về lâm nghiệp hạn chế đặc biệt trong việc xử lý. Một số đơn vị chủ rừng chưa quan tâm đúng mức đối với công tác bảo vệ, phát triển rừng.

Hiện nay, nhiều diện tích giao về cho địa phương quản lý từ các Công ty lâm nghiệp, vườn quốc gia, Ban quản lý rừng phòng hộ sau khi giải thể, sắp xếp, đổi mới nhưng lực lượng tham gia bảo vệ rừng của Ủy ban nhân dân các xã chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm (Công an xã, Dân quân xã). Mỗi xã chỉ có 01 đến 02 Kiểm lâm địa bàn làm nhiệm vụ chuyên trách do đó công tác tuần tra, kiểm tra rừng gặp rất nhiều khó khăn. Chính quyền các xã đã vào cuộc nhưng ở một số nơi vẫn chưa quyết liệt, còn mang tính chất đối phó, xử lý sự vụ.

Phần lớn diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng đã bị người dân lấn chiếm, sử dụng trồng cây nông nghiệp, việc thu hồi để phát triển rừng gặp rất nhiều khó khăn.

Trong thời gian qua, được sự quan tâm chỉ đạo của Cấp ủy, chính quyền địa phương nên công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tại địa phương có nhiều chuyển biến tích cực, tuy nhiên, vẫn chưa giải quyết dứt điểm được tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng, công tác phát triển rừng chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương.

### 2.2.3. Các tồn tại, khó khăn trong công tác giao rừng thời gian qua

Thực hiện các kế hoạch giao rừng được UBND tỉnh phê duyệt, từ năm 2021-2023, Ủy ban nhân dân huyện đã giao phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các phòng ban có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã thực hiện Kế hoạch giao rừng hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê

duyet với diện tích 729,45 ha; thuê đơn vị tư vấn điều tra hiện trạng, trữ lượng để thực hiện các bước theo quy định về trình tự, thủ tục giao đất, giao rừng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn; hoàn thiện hồ sơ giao đất giao rừng với tổng diện tích đã khảo sát 238,47 ha/729,45 ha kế hoạch; chưa thực hiện khảo sát, điều tra đánh giá hiện trạng 490,98 ha; nguyên nhân không thực hiện khảo sát đánh giá là do diện tích đưa vào lập kế hoạch không đảm bảo để thực hiện giao rừng và đất lâm nghiệp

Đối với diện tích đã thực hiện khảo sát, đã thực hiện ban hành 01 Quyết định giao rừng cho 01 hộ gia đình cá nhân với diện tích 6,80 ha<sup>3</sup>; diện tích còn lại 231,67 ha chưa ban hành được Quyết định giao đất, giao rừng với lý do:

+ Có 140,21 ha được cộng đồng 05 thôn, bon tại các xã Đăk Ha, Đăk Som, Quảng Sơn đăng ký nhận giao đất, giao rừng nhưng không có định mức giao đất, giao rừng cho cộng đồng dân cư.

+ Có 105,6 ha được 15 hộ gia đình, cá nhân đăng ký giao đất, giao rừng, tuy nhiên trong quá trình hoàn thiện hồ sơ Ủy ban nhân dân các xã chưa xác lập chưa đầy đủ theo quy định, hiện đang tiếp tục hoàn thiện. Riêng đối với Kế hoạch năm 2023 đã hoàn thành việc khảo sát, đánh giá, lập hồ sơ 23,39 ha để thực hiện ban hành Quyết định giao rừng cho các hộ gia đình theo quy định.

#### **2.2.4. Sự cần thiết tăng cường công tác giao đất, giao rừng**

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước là tiếp tục triển khai các biện pháp bảo vệ có hiệu quả diện tích rừng hiện có, phát huy sử dụng tối đa lợi thế của rừng, tiềm năng lao động ở địa phương góp phần tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân ở nông thôn, giúp người dân yên tâm sản xuất, cải thiện đời sống.

Do vậy, việc tiến hành giao rừng cho đối tượng là cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng quản lý sử dụng là rất cần thiết, nhằm tạo động lực cho phát triển kinh tế rừng trong giai đoạn tới và khắc phục những tồn tại hạn chế của công tác giao rừng trong thời gian qua.

## **II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU**

### **1. Mục tiêu**

Năm 2024, thực hiện giao diện tích 159,96 ha rừng (rừng tự nhiên; rừng trồng) do UBND cấp xã đang quản lý cho hộ gia đình quản lý, bảo vệ rừng theo quy định.

### **2. Nguyên tắc, yêu cầu**

#### **a) Nguyên tắc:**

- Việc giao rừng phù hợp với quy hoạch đất lâm nghiệp, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của UBND huyện Đăk

---

<sup>3</sup> Quyết định số 1980/QĐ-UBND, ngày 30/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glong về việc giao đất, giao rừng cho ông Vi Văn Nho

Glông được UBND tỉnh phê duyệt<sup>4</sup>.

- Không giao diện tích rừng đang có tranh chấp.
- Giao rừng thống nhất, đồng bộ với giao đất; giao rừng gắn liền với giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Thời hạn, hạn mức giao rừng phù hợp với thời hạn, hạn mức giao đất. - Việc giao rừng, giao đất phải đúng thẩm quyền.
- Việc giao rừng phải đúng đối tượng, công khai và minh bạch.

### b) Yêu cầu:

- Vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng rừng, chất lượng rừng, trữ lượng rừng được giao phải đảm bảo phù hợp giữa hồ sơ, bản đồ và ngoài thực địa.
- Thiết lập đầy đủ hồ sơ, bản đồ giao rừng, gắn với giao đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức bàn giao thực địa cho cộng đồng để quản lý theo quy định pháp luật

## III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH GIAO RỪNG

### 1. Diện tích rừng các loại rừng trên địa bàn huyện

- Theo Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glông, diện tích hiện trạng các loại rừng như sau:

| TT          | Đơn vị        | Tổng diện tích tự nhiên | Tổng diện tích có rừng | Rừng tự nhiên    | Rừng trồng                         |                                      | Phân loại theo mục đích sử dụng |                  |                  |                  | Ngoài quy hoạch |
|-------------|---------------|-------------------------|------------------------|------------------|------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|------------------|------------------|------------------|-----------------|
|             |               |                         |                        |                  | Diện tích rừng trồng đã thành rừng | Diện tích rừng trồng chưa thành rừng | Tổng cộng                       | Đặc dụng         | Phòng hộ         | Sản xuất         |                 |
| <b>TỔNG</b> |               | <b>144,807.76</b>       | <b>63,595.47</b>       | <b>55,486.07</b> | <b>8,109.40</b>                    | <b>957.31</b>                        | <b>62,831.46</b>                | <b>19,954.71</b> | <b>11,788.20</b> | <b>31,088.55</b> | <b>1,721.32</b> |
| 1           | Xã Đắk Ha     | 15,279.82               | 2,766.04               | 2,097.53         | 668.50                             | 8.13                                 | 2,774.17                        | 0.00             | 2,118.26         | 418.45           | 238.56          |
| 2           | Xã Đắk Plao   | 10,905.50               | 2,651.75               | 1,338.84         | 1,312.90                           | 396.99                               | 3,047.74                        | 1.43             | 0.03             | 2,878.99         | 168.39          |
| 3           | Xã Đắk R'Măng | 22,633.62               | 8,594.91               | 6,037.61         | 2,557.30                           | 214.64                               | 8,808.55                        | 8.06             | 3,027.34         | 5,507.92         | 266.38          |
| 4           | Xã Đắk Som    | 30,499.70               | 17,973.71              | 17,575.88        | 397.80                             | 40.48                                | 18,012.73                       | 16,894.71        | 113.68           | 919.80           | 85.34           |
| 5           | Xã Quảng Hoà  | 8,544.10                | 1,977.01               | 1,821.56         | 155.43                             | 93.91                                | 2,069.92                        | 0.00             | 0.00             | 1,999.27         | 72.75           |
| 6           | Xã Quảng Khê  | 11,523.00               | 1,721.77               | 382.95           | 1,338.82                           | 41.75                                | 1,761.52                        | 0.00             | 153.67           | 1,299.03         | 309.93          |
| 7           | Xã Quảng Sơn  | 45,422.02               | 27,910.35              | 26,231.70        | 1,678.65                           | 161.41                               | 28,069.76                       | 3,050.51         | 6,375.22         | 18,065.09        | 579.97          |

- Diện tích rừng, đất lâm nghiệp đã giao, cho thuê; chưa giao, chưa cho thuê:

+ Diện tích rừng, đất lâm nghiệp đã giao cho các chủ rừng quản lý là 64.552,78 ha, gồm: Ban quản lý rừng phòng hộ 6.631,59 ha; Ban quản lý rừng đặc dụng 21.217,64 ha; các tổ chức kinh tế 20.290,07 ha; đơn vị lực lượng vũ trang 9.523,33 ha; cá nhân, hộ gia đình 73,05 ha; cộng đồng dân cư 386,85 ha, các tổ chức khác 1.126,58 ha (Chi tiết cụ thể tại Phụ biểu 01, 02 đính kèm).

- + Diện tích đất có rừng (rừng tự nhiên; rừng trồng) chưa giao chưa cho thuê

<sup>4</sup> Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 09/12/2022; Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đắk Glông, tỉnh Đắk Nông.

hiện do UBND cấp xã đang quản lý là 5.203,67 ha

(Chi tiết cụ thể tại Phụ biểu 01, 02 đính kèm).

## **2. Diện tích đề nghị thực hiện giao rừng năm 2024**

### **2.1. Diện tích, hiện trạng rừng thực hiện giao**

Căn cứ vào diện tích nhu cầu giao rừng do Ủy ban nhân dân các xã: Quảng Khê, Đăk Ha và Quảng Sơn đăng ký, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glong đưa vào xây dựng kế hoạch giao rừng năm 2024 với tổng diện tích 159,96 ha rừng, gồm:

- Diện tích rừng tự nhiên: 123,52 ha.

- Diện tích rừng thông: 36,44 ha. Nguồn gốc rừng trồng được thu hồi từ Công ty TNHH MTV Gia Nghĩa giao về cho địa phương quản lý theo Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 và Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh Đăk Nông. Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 425/TCLN ngày 02/4/2018 của Tổng cục Lâm nghiệp toàn bộ diện tích rừng thông trồng nêu trên không có tài liệu, hồ sơ lưu trữ chứng minh nguồn gốc; từ năm 2017 đến nay, diện tích trên được giao cho Ủy ban nhân dân các xã Đăk Ha, Quảng Khê xã quản lý, bảo vệ không tranh chấp với các tổ chức, cá nhân khác. Do đó, diện tích 36,44 ha rừng Thông trồng được xác định là trồng từ nguồn vốn trồng rừng do Nhà nước đầu tư.

(Chi tiết diện tích các loại rừng theo địa bàn từng xã tại Phụ biểu 03, 04 đính kèm).

### **2.2. Kế hoạch giao rừng**

\* Tổng diện tích thực hiện: 159,96 ha, trong đó:

- Giao rừng cho hộ gia đình: 159,96 ha/12 hộ gia đình (chiếm 100%).

- Giao rừng cho cộng đồng dân cư: 0,0 ha (chiếm 0,0 %).

\* Phân theo địa giới hành chính xã:

- Xã Quảng Khê: 74,51 ha/07 hộ gia đình (Rừng tự nhiên 50,61 ha, rừng thông trồng 23,90 ha).

- Xã Quảng Sơn: 60,20 ha/03 hộ gia đình (Rừng tự nhiên 60,20 ha).

+ Xã Đăk Ha: 25,25 ha/02 hộ gia đình (Rừng tự nhiên 12,71 ha, rừng thông trồng 12,54 ha).

(Chi tiết Phụ biểu 03, 04 đính kèm; bản đồ giấy và file bản đồ số kèm theo).

### **2.3. Tiến độ thực hiện**

Kế hoạch giao rừng hoàn thành trong năm 2024, cụ thể:

- Công tác đo đạc, lập bản đồ khu đất, đánh giá đặc điểm hiện trạng, chất lượng khu rừng: Hoàn thành trước **ngày 30/8/2024**.

- Công tác hướng dẫn nộp hồ sơ và tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ đề nghị



giao rừng: Hoàn thành trước **ngày 31/9/2024**.

- Công tác thẩm định hồ sơ, ban hành quyết định giao rừng và bàn giao đất rừng: Hoàn thành chậm nhất **trước 31/12/2024**.

### **3. Kinh phí thực hiện**

#### **3.1. Căn cứ lập dự toán**

- Quyết định số 112/2008/QĐ-BNN ngày 19/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật giao rừng, cho thuê rừng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mục đích lâm nghiệp gắn với việc lập hồ sơ quản lý rừng;

- Nghị định số 24/2023/NĐ-CP, ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Thông tư số 136/2017/TT- BTC, ngày 21/12/2017 của Bộ tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về Tài nguyên Môi trường;

- Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20/07/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;

#### **3.2. Khái toán vốn đầu tư**

\* **Tổng dự toán:** 212.143.195 đồng (*làm tròn 212.143.000 đồng*).

\* **Nguồn vốn:** Ngân sách nhà nước do UBND huyện Đắk Glong bố trí.

(Chi tiết cụ thể tại Phụ biểu 5-08 đính kèm).

## **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Thẩm quyền giao rừng**

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Luật Lâm nghiệp, quy định thẩm quyền của UBND cấp huyện: "*a) Giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân; ...*".

### **2. Đối tượng được giao rừng**

Theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 16, Luật Lâm nghiệp, đối tượng được giao rừng xác định như sau:

- Nhà nước giao rừng phòng hộ không thu tiền sử dụng rừng cho các đối tượng: *Hộ gia đình, cá nhân cư trú hợp pháp trên địa bàn cấp xã nơi có rừng*

*phòng hộ đối với rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển.*

- Nhà nước giao rừng sản xuất không thu tiền sử dụng rừng cho các đối tượng: *Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư cư trú hợp pháp trên địa bàn cấp xã nơi có diện tích rừng.*

Trên cơ sở pháp lý trên, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glong thực hiện việc giao rừng cho các hộ gia đình, cá nhân cư trú hợp pháp trên địa bàn cấp xã nơi có rừng; ưu tiên hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo.

### **3. Hạn mức rừng giao**

Hạn mức giao rừng phải phù hợp với hạn mức giao đất, đối với cá nhân, hộ gia đình: Tùy thuộc vào quỹ đất, quỹ rừng do địa phương quản lý và hạn mức các loại đất hộ gia đình cá nhân đã được giao; Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glong sẽ thực hiện giao đất, giao rừng đảm bảo phù hợp với hạn mức không quá 30 ha cho mỗi hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 3, 4, Điều 129 Luật đất đai năm 2013 (tổng đất có rừng và đất không có rừng).

### **4. Thời hạn giao rừng**

Thời hạn giao rừng cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư là 50 năm kể từ ngày giao. Khi hết thời hạn, nếu người sử dụng (chủ rừng) có nhu cầu tiếp tục sử dụng và trong quá trình sử dụng rừng chấp hành đúng pháp luật về đất đai, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét giao để tiếp tục sử dụng.

### **5. Quy trình giao rừng**

#### **5.1. Xây dựng Kế hoạch giao rừng**

Ủy ban nhân dân huyện có văn bản thông báo về việc đề nghị đăng ký nhu cầu giao rừng gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian có văn bản thông báo xây dựng, thẩm định, phê duyệt kế hoạch giao rừng tiến hành đồng thời với thời gian xây dựng, thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị đăng ký nhu cầu giao rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp nhu cầu giao rừng của địa phương gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện; nhu cầu giao rừng cấp xã được tổng hợp theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định 156/2018/NĐ-CP.

Ủy ban nhân dân huyện căn cứ nhu cầu giao rừng của cấp xã, tổng hợp diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê, xác định các chỉ tiêu giao rừng đến từng đơn vị hành chính cấp xã; tổng hợp nhu cầu và dự kiến phân bổ chỉ tiêu giao rừng cấp huyện đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Xây dựng kế hoạch giao rừng năm 2024 trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện.

## **5.2. Trình tự các bước thực hiện giao, gắn liền với cấp giấy CNQSD đất cho cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân**

a) Bước 1: Đo đạc, lập bản đồ khu đất, đánh giá đặc điểm khu rừng:

UBND huyện lựa chọn đơn vị tư vấn chuyên ngành khảo sát, đo đạc, lập bản đồ khu đất, đánh giá đặc điểm khu rừng để thiết kế sơ đồ giao đất, giao rừng trên bản đồ và ngoài thực địa.

Việc đo đạc khu đất, đánh giá đặc điểm khu rừng phải có sự tham gia của các hộ dân. Quy trình điều tra, đánh giá hiện trạng, chất lượng rừng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 và Thông tư 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định pháp luật có liên quan; bản đồ sử dụng trong giao rừng theo quy định hiện hành.

Thẩm định kết quả đo đạc bản đồ, đánh giá đặc điểm khu rừng: Sau khi đơn vị tư vấn đo đạc, lập bản đồ khu đất, đánh giá đặc điểm khu rừng xong, tổng hợp kết quả đo vẽ bản đồ trên địa bàn xã, báo cáo chủ đầu tư (UBND huyện) để tổ chức thẩm định.

Sau khi có kết quả thẩm định, UBND huyện làm căn cứ để xác nhận đặc điểm khu rừng và làm căn cứ để trích đo bản đồ địa chính theo quy định.

b) Bước 2: Nộp hồ sơ và tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ đề nghị giao rừng.

Hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 04 bộ hồ sơ đề nghị giao rừng tại Ủy ban nhân dân cấp xã, hồ sơ gồm: Đề nghị giao đất, giao rừng theo Mẫu số 02 đối với tổ chức, mẫu số 03 đối với cá nhân, Phụ lục II kèm theo Nghị định 156/2018/NĐ-CP.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

Tiếp nhận hồ sơ đề nghị giao đất, giao rừng; viết giấy xác nhận thành phần hồ sơ tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả.

Xem xét đề nghị giao đất, giao rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn; kiểm tra thực địa (vị trí, ranh giới, tranh chấp) khu đất, rừng theo đề nghị của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đảm bảo các điều kiện, căn cứ giao đất, giao rừng theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận và trả hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp (Hạt Kiểm lâm, Phòng Nông nghiệp và PTNT) có ý kiến về nội dung đề nghị giao rừng.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ

Thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp (Hạt Kiểm lâm, Phòng Nông nghiệp và PTNT) có ý kiến bằng văn bản gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường.

d) Bước 4: Quyết định giao đất, giao rừng

Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ giao rừng, lập thủ tục trình UBND Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao rừng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính hoặc cơ sở dữ liệu địa chính.

Sau khi nhận được hồ sơ giao rừng của Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện ban hành quyết định giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp, cấp Giấy chứng nhận theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Quyết định về giao đất, giao rừng áp dụng theo mẫu quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP: Quyết định về giao đất, giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định 156/2018/NĐ-CP;

Thời hạn thực hiện không quá 20 ngày.

e) Bước 5: Bàn giao đất, rừng

Sau khi nhận được Quyết định giao rừng và đất lâm nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hạt Kiểm lâm liên huyện Gia Nghĩa - Đắk Glong, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức bàn giao đất, rừng tại thực địa cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn. Việc bàn giao phải xác định rõ vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng, trữ lượng, bản đồ khu đất được giao và lập thành biên bản, có ký tên của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện các chủ rừng liên kề.

Thời gian thực hiện không quá 3 (ba) ngày làm việc.

Trong quá trình thực hiện các bước công việc nêu trên, nếu hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không đủ điều kiện được giao rừng thì cơ quan nhận hồ sơ phải trả lại hồ sơ cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và thông báo rõ lý do không được giao rừng.

## **6. Quy chế quản lý rừng**

Thực hiện theo quy chế quản lý rừng phòng hộ, rừng sản xuất được quy định tại Mục 3, Mục 4 Chương II Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và các quy định có liên quan.

## **7. Giải pháp về đầu tư, bố trí nguồn vốn kinh phí**

Ngay sau Kế hoạch được phê duyệt, UBND huyện Đắk Glong sẽ bố trí đủ kinh phí để thực hiện kế hoạch theo đúng quy định.

## **8. Quyền, nghĩa vụ và chính sách hưởng lợi của chủ rừng**

Hộ gia đình, cá nhân: Thực hiện theo quy định tại Điều 73, Điều 74, Điều 81, Điều 82 Luật Lâm nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành khác.

## **9. Đào tạo, tuyên truyền**

- Tổ chức tuyên truyền các chính sách của nhà nước quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; công tác giao rừng; quyền lợi và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân khi được nhà nước giao rừng để quản lý, bảo vệ.

- Tập huấn áp dụng kỹ thuật lâm sinh, nghiệp vụ bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân.

## **10. Giải pháp về khoa học công nghệ**

Xây dựng hệ thống hồ sơ, sổ sách và cơ sở dữ liệu về giao rừng và các chủ rừng để quản lý và cập nhật.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý rừng.

Nghiên cứu ứng dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh đơn giản phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương để giúp các chủ rừng sản xuất kinh doanh có hiệu quả trên các diện tích đã được giao.

Hợp tác, chia sẻ và trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực giao rừng, bảo vệ và phát triển rừng của các Dự án hiện đang triển khai trên địa bàn tỉnh.

## **11. Tính hiệu quả của thực hiện kế hoạch**

Hiện nay, diện tích rừng do UBND xã quản lý nhưng kinh phí, nhân lực thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng chưa được đảm bảo. Do đó, khi thực hiện kế hoạch giao rừng thì diện tích rừng thực sự có chủ; công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng sẽ phát huy tính hiệu quả.

Khi thực hiện giao rừng sẽ tạo được việc làm và thu nhập cho người dân góp phần ổn định đời sống, xóa đói, giảm nghèo; diện tích rừng được bảo vệ và phát triển góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, nguồn nước và khi diện tích rừng, đất quy hoạch phát triển rừng được giao, cho thuê sẽ hạn chế rừng bị phá, đất lâm nghiệp tranh chấp nên công tác an ninh, trật tự được ổn định góp phần bảo đảm về quốc phòng, an ninh tại địa phương.

Tuy nhiên, để kế hoạch thực hiện có tính khả thi cao, cần có hướng dẫn thống nhất giữa ngành Tài nguyên và ngành Nông nghiệp để thống nhất xây dựng và thực hiện đồng bộ việc giao, cho thuê đối với cả diện tích đất có rừng và diện tích đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp để thực hiện.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. UBND huyện:**

- Sau khi Kế hoạch giao rừng được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện công khai Kế hoạch tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân

cấp xã có rừng giao theo quy định tại Khoản 4 Điều 35 Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

- Bố trí kinh phí, tổ chức thực hiện kế hoạch giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân quản lý, bảo vệ đảm bảo đúng đối tượng, trình tự, thủ tục và đạt hiệu quả; tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, bảo vệ rừng sau khi giao theo quy định pháp luật về lâm nghiệp.

## **2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

Phối hợp với Hạt Kiểm lâm liên huyện Đăk Glong - Gia Nghĩa; phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ về giao rừng cho cấp xã.

Cho ý kiến thẩm định đối với các nội dung liên quan đến công tác giao đất, giao rừng tại điểm c, tiểu mục 5.2, mục 4; chủ trì thẩm định hồ kết quả điều tra đánh giá trữ lượng các khu rừng sau khi có báo cáo kết quả trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

Kịp thời tổng hợp, đề xuất cấp trên, Ủy ban nhân dân huyện hỗ trợ các chính sách quản lý bảo vệ rừng cho các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư được thụ hưởng.

## **3. Hạt Kiểm lâm liên huyện Đăk Glong - Gia Nghĩa**

Phối hợp chặt chẽ với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

Cho ý kiến thẩm định đối với các nội dung liên quan đến công tác giao đất, giao rừng tại điểm c, tiểu mục 5.2, mục 4; tham gia thẩm định hồ kết quả điều tra đánh giá trữ lượng các khu rừng sau khi có báo cáo kết quả trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

Kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, hộ gia đình cá nhân xây dựng phương án quản lý, bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng hàng năm.

Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn cấp xã xây dựng Phương án giao rừng; theo dõi kết quả triển khai thực hiện Phương án, kịp thời đề xuất thu hồi; yêu cầu bồi thường đối với các cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư không đủ năng lực, để xảy ra mất rừng trên diện tích được giao quản lý.

## **4. Phòng Tài nguyên và Môi trường**

Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan triển khai, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

Chủ trì thẩm định hồ sơ giao rừng, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định giao rừng đảm bảo đúng hạn mức, thẩm quyền; bàn giao rừng và đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư quản lý, bảo vệ.

Kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thu hồi Quyết định giao đất, giao rừng đối với các cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư không đủ năng lực, để xảy ra mất rừng trên diện tích được giao quản lý.

Cập nhật, lưu trữ hồ sơ giao rừng toàn bộ diện tích đã tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định giao đất, giao rừng.

Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xử lý nghiêm các trường hợp chủ rừng, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện hành vi lấn, chiếm đất rừng; để xảy ra lấn chiếm đất rừng.

### **5. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đắk Glong**

Cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với diện tích giao đất, giao rừng trên địa bàn; kiểm tra, báo cáo cấp trên đối với các trường hợp sang nhượng rừng và đất lâm nghiệp sau khi được giao đất, giao rừng.

**4. Phòng Tài chính Kế hoạch:** Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này và hướng dẫn thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

### **2. Ủy ban nhân dân các xã**

Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về giao rừng quyền lợi và nghĩa vụ của chủ rừng đến mọi người dân.

Xét duyệt đơn xin giao rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; kiểm tra, tổng hợp hồ sơ trước khi chuyển lên UBND cấp huyện;

Hướng dẫn, hỗ trợ cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư hoàn thiện hồ sơ xin giao rừng...

Tổ chức thực hiện việc giao rừng ở các thôn, bon, hộ gia đình.

Hướng dẫn cộng đồng dân cư xây dựng phương án bảo vệ rừng.

Xác nhận đơn xin nhận rừng của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân.

Kiểm tra, giám sát việc bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân.

Tổng hợp báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện công tác giao rừng lên UBND cấp huyện; chuyển hồ sơ giao rừng lên cơ quan chuyên môn cấp huyện để thẩm định.

### **5. Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể**

Phối hợp với các phòng, ban chuyên môn của huyện tổ chức tuyên truyền sâu rộng các quy định của pháp luật về Lâm nghiệp; lợi ích và trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng của hộ gia đình cá nhân được giao đất, giao rừng.

Thực hiện chức năng giám sát phản biện đối với công tác giao đất, giao rừng trên địa bàn huyện.

### **6. Hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư**

Xây dựng phương án quản lý diện tích rừng được giao và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quy định tại Điều 74 của Luật Lâm nghiệp năm 2017.

## **VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Xuất phát từ thực tiễn công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trong thời gian qua và xu thế phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới, việc xây dựng kế hoạch giao rừng hàng năm trên địa bàn huyện Đắk Glong là cần thiết. Quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sẽ từng bước hoàn thiện công tác quản lý bảo vệ gắn với phát triển rừng bền vững tài nguyên rừng, góp phần thực hiện thành công chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Kế hoạch giao rừng được xây dựng xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và sự cần thiết thu hút sự tham gia mọi thành phần kinh tế vào tiến trình quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ở địa phương. Đây là cơ sở quan trọng cho việc thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý rừng cũng như bảo đảm cho rừng có chủ thực sự, góp phần giảm thiểu và ngăn chặn tình trạng phá rừng cũng như lấn chiếm, sang nhượng đất đai trái phép đang diễn ra trên địa bàn huyện.

### **2. Kiến nghị**

Để thực hiện hiệu quả kế hoạch giao rừng năm 2024 và kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn; UBND huyện Đắk Glong đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, thẩm định và phê duyệt kế hoạch để địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

Trên đây là kế hoạch giao rừng năm 2024 của UBND huyện Đắk Glong (*thay thế Kế hoạch số 52/KHUBND ngày 29/02/2024*), kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội đồng thẩm định số 605 xem xét, thẩm định trình cấp trên phê duyệt phê duyệt ./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở NN và PTNT;
- Hội đồng thẩm định số 605;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Phòng NN và PTNT, TN và MT;
- Phòng TC-KH;
- Hạt Kiểm lâm;
- UBND các xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trịnh Anh**